TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 19 - 11 - 2019
"V/v tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Trưởng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà

Bà Nguyễn Thị Mai Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh -Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Ông Nguyễn Viết Luận- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLPT- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 về việc " Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2010/HNGĐ-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974. Nơi ĐKHKTT: Số nhà 229, tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh H. Địa chỉ: Số nhà 187 đường Lê Lợi, phường L, thành phố P, tỉnh H.

2. Bị đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà 229, tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh H

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Lương Thị H

Phiên tòa có mặt anh H, chị H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Anh Nguyễn Văn H và chị Lương Thị H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/02/1995 tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh H. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn.

- Theo anh Nguyễn Văn H khai mâu thuẫn vợ chồng là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, vợ chồng hay cãi chửi, nhiều lần xô sát đánh nhau. Vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 5/2019 đến nay. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu xin ly hôn với chị H.

- Chị Lương Thị H khai nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, hay đánh đập chị vô cớ, ngoài ra anh H còn ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác. Đặc biệt sau khi anh H mãn hạn tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" về đòi bán nhà, chị không đồng ý thì anh H ra ngoài ở riêng và công khai ngoại tình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Chị xác định tình cảm không còn nhưng chị yêu cầu giải quyết xong về tài sản thì mới nhất trí ly hôn.

Về con chung: anh H và chị H thống nhất có hai con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/8/2006. Hiện cháu T đã trưởng thành, lao động tự lập được nên không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Đ đang ở với chị H. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/92019, anh Nguyễn Văn H và chị Lương Thị H thỏa thuận giao cho chị H tiếp tục nuôi cháu Đ, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ cùng chị H là 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: anh Nguyễn Văn H không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H có đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ mới đồng ý ly hôn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 27/9/2019, Tòa án nhân dân thành phố P đã áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 54, 56. 58. 81, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Lương Thị H

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao chị Lương Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Tiến Đ (con trai), sinh ngày 19/8/2006. Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ hàng tháng cùng chị H là 3.000.000đ, kể từ tháng 10/2019 đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên buộc anh Nguyễn Văn H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định ngày 09/10/2019 chị H có đơn kháng cáo, bản án sơ thẩm nhưng do đơn kháng cáo của chị H không đúng mẫu, nên Tòa án thành phố P yêu cầu chị H sửa chữa, bổ sung đơn kháng cáo. Ngày 16/10/2019, chị Lương Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Chị không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn H vì Tòa án thành phố P chưa giải quyết xét xử phần tài sản chung của vợ chồng, chị cho rằng chị là người mua đứt 1/3 khối tài sản tại nhà số 229 Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh H, chị đề nghị Tòa án tỉnh Hà Nam xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Lương Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị nhất trí về phần nuôi dưỡng con và thừa nhận chị nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ sau khi Toà án cấp sơ thẩm công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải.

Anh Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện đúng trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu kháng cáo: Chị Lương Thị H yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ sau khi cấp sơ thẩm tiến hành thủ tục công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị H và giành quyền khởi kiện cho chị H khởi kiện bằng vụ án khác là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của chị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật do kháng cáo không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

- Kháng cáo của bị đơn chị Lương Thị H trong thời hạn luật định nên thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Chị H đề nghị giải quyết ly hôn cùng với việc giải quyết về tài sản chị mới đồng ý ly hôn. Xét thấy, anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không nộp tạm ứng án phí về tài sản và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật; ngày 08/8/2019 Tòa án cấp sơ thẩm công khai tài liệu, chứng cứ và hoà giải; sau khi hoà giải ngày 06 tháng 09 năm 2019 chị H làm đơn yêu cầu phản tố yêu cầu giải quyết về tài sản là không đúng với quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng Dân sự *"Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải"*. Như vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị H và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Lương Thị H đều xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mặc dù hai bên đưa ra nguyên nhân mẫu thuẫn không giống nhau nhưng mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, đã được chính quyền địa phương hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Tại bút lục số 02 đơn xin ly hôn ngày 15/6/2015 của chị Lương Thị H có nội dung như sau *"vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng..và anh thường xuyên hành hạ đánh đập tôi nên không thể tiếp tục chung sống với nhau"*. Như vậy, đủ căn cứ kết luận mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cấp sơ thẩm giải quyết ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung cấp sơ thẩm giao chị Lương Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tiến Đ (con trai), sinh ngày 19/8/2006. Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ hàng tháng cùng chị H là 3.000.000đ, kể từ tháng 10/2019 đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với thoả thuận của các bên nên cấp phúc thẩm không xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Lương Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chị H có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung vợ chồng bằng vụ án khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Lương Thị H không được chấp nhận nên chị H phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Lương Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Lương Thị H.

3. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự; giao chị Lương Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Tiến Đ (con trai), sinh ngày 19/8/2006. Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ hàng tháng cùng chị H là 3.000.000đ *(ba triệu đồng)*, kể từ tháng 10/2019 đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

5.1. Án phí ly hôn sơ thẩm anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2015/0002155 ngày 10/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, anh H phải nộp tiếp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng).*

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lương Thị H phải nộp 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm chị H đã nộp theo biên lai số AA/2015/0002249 ngày 23/10/ 2019 tại Chi cục Thi hành án thành phố P, chị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- VKSND tỉnh;
- TAND TP.P;
- Chi cục THADS TP. P;
- Phòng KTNV& THA TAND tỉnh Hà Nam
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Quốc Trưởng